TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2018.
Về việc tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Nhã

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2018/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXX-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1985 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn Đ (sau đây gọi tắt là Chị Q, Anh Đ) chung sống với nhau từ năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn

theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống đươc hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống. Anh Đ nhiều lần có hành vi bảo lực gia đình, kéo dài đến năm 2014 nên vợ chồng Chị Q và Anh Đ ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, Chị Q yêu cầu ly hôn với Anh Đ.

Về con chung: Chị Q và Anh Đ có 02 người con tên Nguyễn Hữu Luân, sinh ngày 29/7/2005, giới tính nam và Nguyễn Hữu Tình, sinh ngày 02/11/2008, giới tính nam, hiện Chị Q đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn các con theo ai thì người đó nuôi, nếu con theo Chị Q thì Chị Q nuôi dưỡng, không yêu cầu Anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ được Tòa án tống đạt trực tiếp, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt. Tại phiên tòa Anh Đ cũng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Sổ hộ khẩu; giấy chứng minh nhân dân (bản phô tô); 01 đơn xác nhận nơi cư trú (bản gốc); 02 giấy khai sinh tên Nguyễn Hữu Luân và Nguyễn Hữu Tình (bản sao) và bản tự khai ngày 17/7/2018 của chị Nguyễn Thị Q, của cháu Nguyễn Hữu Luân, Nguyễn Hữu Tình có nguyện vọng được sống với Chị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Trong quá trình xét xử vụ án Anh Đ cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và Anh Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn

nhân giữa Chị Q và Anh Đ là không hợp pháp. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Q và Anh Đ có 02 người con tên Nguyễn Hữu Luân, sinh ngày 29/7/2005 và Nguyễn Hữu Tình, sinh ngày 02/11/2008, hiện đang sống với Chị Q. Tại bản tự khai cùng ngày 17/7/2018 của cháu Luân, Tình có nguyện vọng được sống với mẹ là Chị Q.

HĐXX nhận thấy, hiện Anh Đ đi làm ăn xa, hai con chung do Chị Q nuôi dưỡng, được chăm sóc tốt. Tại phiên tòa Chị Q yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu Anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của Chị Q và nguyện vọng của cháu Luân và Tình, HĐXX thống nhất giao hai con chung cho Chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0004184 ngày 08/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Chị Q đã nộp xong.

***Vì các lẽ trên*,**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hữu Luân, sinh ngày 29/7/2005, giới tính nam và Nguyễn Hữu Tình, sinh ngày 02/11/2008, giới tính nam (hiện đang sống với Chị Q) cho Chị Q tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0004184 ngày 08/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh

Nơi nhận:
- *Tòa án ND tỉnh KG;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện U.M.T;
- Chi cục THA DS huyện U.M.T;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

Trần Tuấn Khanh